

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-03-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Văn Tuyền

2. Ông Nguyễn Xuân Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12^a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**- sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu H 2, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**- sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu H 2, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 05/11/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với mẹ đẻ anh H tại khu 4 (nay là khu H 2), xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận

hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên thường xảy ra tranh cãi bất hoà, xô xát với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng đầu tháng 7 năm 2020 đến nay, chị H về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M- sinh ngày 26/7/2015 và Nguyễn Ngọc P- sinh ngày 04/10/2017. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh T, cháu P đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu M, để chị H nuôi cháu P và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh T đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo chị H là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng nói cãi nhau. Nay anh T đề nghị ly hôn, chị H xác định không còn tình cảm với anh T nữa nhưng không đồng ý, vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị H nhất trí với đề nghị của anh T.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc M- sinh ngày 26/7/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Ngọc P- sinh ngày 04/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” và bị đơn là chị H cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy, sau khi kết hôn được khoảng 03 năm thì vợ chồng anh T, chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và thiếu sự tin tưởng đối với nhau nên thường xuyên nói cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 7/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau và chị H cũng xác định trong thực tế không còn tình cảm với anh T. Điều này chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian sống ly thân, chị H không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, khi Tòa án thông báo về việc hòa giải nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị đoàn tụ của chị H không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy anh T, chị H đều đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh, chị và anh T, chị H đều lao động tự do, thu nhập không ổn định. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh T đã trực tiếp nuôi cháu Mai, còn chị H trực tiếp nuôi cháu Phượng. Do vậy, đề nghị của anh T, chị H về con chung như đã nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận để bảo đảm sự phát triển ổn định của con chung.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. **Về con chung:**

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc M- sinh ngày 26/7/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Ngọc P- sinh ngày 04/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003805 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đương sự;
- Chi cục THADS h. Cẩm Khê;
- UBND xã H ;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Văn Thắng

